

Số: 817 /CB-VLXD-LS

Tây Ninh, ngày 05 tháng 4 năm 2018

CÔNG BỐ

**Giá vật liệu xây dựng tại thị trường tỉnh Tây Ninh
Tháng 02 năm 2018 (01/02/2018 – 28/02/2018)**

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành quy định về phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Liên Sở Xây dựng – Tài chính công bố Bảng giá vật liệu xây dựng tháng 02 năm 2018 (**đã bao gồm VAT**) trên thị trường tỉnh Tây Ninh:

1. Bảng giá vật liệu xây dựng (VLXD) kèm theo công bố này là giá của một số loại vật liệu phổ biến được xác định trên cơ sở khảo sát mặt bằng giá bán lẻ theo bảng giá kê khai giá của các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh VLXD trong khu vực thành phố Tây Ninh, các huyện và các địa phương lân cận; để các tổ chức, cá nhân làm cơ sở tham khảo (***không mang tính bắt buộc phải áp dụng***) trong quá trình xác định giá, lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình:

a) Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm khi quyết định sử dụng giá vật liệu trong công bố này;

b) Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn, doanh nghiệp xây dựng cần khảo sát, lựa chọn nguồn cung ứng VLXD phù hợp vị trí, địa điểm xây dựng công trình, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của công trình đảm bảo chất lượng, giá thành phù hợp mặt bằng chung của thị trường nơi xây dựng; phù hợp với các quy định hiện hành.

2. Trường hợp các loại vật liệu có giá biến động (***cả tăng hoặc giảm***) so với giá công bố liên Sở, chủ đầu tư quyết định việc điều chỉnh theo quy định và kịp thời phản ánh thông tin về Sở Xây dựng.

3. Khi chủ đầu tư, đơn vị tư vấn tổ chức khảo sát, xác định giá vật liệu cần lưu ý:

a) Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa VLXD phải tuân thủ và phù hợp quy định tại Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về quản lý VLXD và các quy định hiện hành về quản lý vật liệu;

b) Sản phẩm, hàng hóa VLXD khi sử dụng vào công trình xây dựng phải đảm bảo chất lượng, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tuân thủ thiết kế; phải có chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy theo quy định hiện hành;

c) Thông tin giá của các loại vật liệu phải từ nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng có giấy phép kinh doanh theo quy định của pháp luật, giá của loại vật liệu phải đảm bảo phù hợp với giá thị trường tại thời điểm lập.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Liên Sở Xây dựng - Tài chính để xem xét, giải quyết theo quy định.

Trân trọng./.

SỞ TÀI CHÍNH
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Hồng Ân

SỞ XÂY DỰNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Tương Quốc

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (Viện KTXD);
- Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá);
- Tỉnh ủy, UBND tỉnh Tây Ninh (báo cáo);
- Phòng Tài chính - KH các huyện, thành phố;
- Lưu: STC, SXD.Tâm.

BẢNG CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG
(Kèm theo Công bố số 17 /CB-VLXD-LS ngày 05/4/2018)

Stt	TÊN VẬT LIỆU/ QUY CÁCH	CHẤT LƯỢNG CÔNG BỐ	ĐVT	GIÁ (VNĐ)	GHI CHÚ
A	CÁC SẢN PHẨM VLXD NHÓM 2				
1	XI MĂNG, VỮA XÂY TÔ				
	* Xi măng VICEM				
	- Đơn vị sản xuất, phân phối: Chi nhánh Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1 - Xí nghiệp TT&DV Xi măng Hà				
	Đ/c: 360, Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, Tp.HCM; ĐT: (028) 38 215 540				
	- Thông tin về sản phẩm:				
	Vicem Hà Tiên				
	PCB 40	QCVN 16:2014/BXD	tấn	1.600.000	Giao tại Tp Tây Ninh
	Đa dụng (bao 50 kg)	QCVN 16:2014/BXD	tấn	1.560.000	"
	* Xi măng FICO				
	- Đơn vị sản xuất: Công ty CP Xi măng FICO Tây Ninh				
	Đ/c: Số 433 Đường 30/4, Phường 1, tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; ĐT: 0276 (3829579), Fax: 0276 3829578				
	- Đơn vị kinh doanh, phân phối: Xí nghiệp Tiêu thụ & Dịch vụ Xi măng Fico				
	Đ/c: Lâu 4, 9-19 Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM; ĐT: (028) 62992040; Fax: (028)				
	- Thông tin về sản phẩm:				
	Xi măng pooc lăng hỗn hợp				
	- PCB 40 (bao 50 kg)	QCVN 16:2014/BXD	Bao	80.000	Giao toàn tỉnh
	- PCB 50	QCVN 16:2014/BXD	Tấn	1.600.000	"
	* Xi măng BADICO				
	- Đơn vị sản xuất: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Ba Đình				
	Đ/c: Số 28, tổ 1, ấp Gò Mối, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; ĐT: 028 (36202145), Fax:				
	- Thông tin về sản phẩm:				
	Xi măng pooc lăng hỗn hợp				
	- PCB 40 (bao 50 kg)	QCVN 16:2014/BXD	Bao	79.500	Giao toàn tỉnh
	* Xi măng THĂNG LONG				
	- Đơn vị sản xuất: Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long				
	Đ/c: Lô A3, KCN Hiệp Phước, Long Thới, Nhà Bè, Tp.HCM; ĐT: 028 (3780 0912), Fax: 028 3780 0846				
	- Thông tin về sản phẩm:				
	Xi măng pooc lăng hỗn hợp, nhãn hiệu Rồng đỏ				
	- PCB 40 (bao 50 kg)	QCVN 16:2014/BXD	Bao	80.000	Giao toàn tỉnh
2	KÍNH XÂY DỰNG				
	- Đơn vị sản xuất: Công ty TNHH TM XD Thành Ký				
	Đ/c: 171, Phạm Thế Hiển, Phường 2, Quận 8, Tp.HCM; ĐT: 0272 656 0413				
	- Thông tin về sản phẩm:				
	Kính tấm				
	5 ly, phản quang, xanh biển đậm (5x3210x2250)	QCVN 16:2014/BXD	Tấm	2.708.000	Giao toàn tỉnh
	5 ly, phản quang, xanh lá đậm (5x3210x2250)	"	Tấm	2.135.700	"
	6 ly, phản quang, xanh lá đậm (6x3210x2250)	"	Tấm	3.233.100	"

Stt	TÊN VẬT LIỆU/ QUY CÁCH	CHẤT LƯỢNG CÔNG BỐ	ĐVT	GIÁ (VNĐ)	GHI CHÚ
	6 ly, phản quang, xanh lá lọt (6x3210x2250)	"	Tám	3.233.100	"
	6 ly, kính màu hấp thụ nhiệt, xanh biển (6x2438x1824)	"	Tám	999.500	"
	10 ly, kính màu hấp thụ nhiệt, xanh lá (10x3660x2134)	"	Tám	3.781.300	"
	8 ly, kính màu hấp thụ nhiệt, xanh biển (8x2438x1824)	"	Tám	1.512.500	"
	Kính nổi theo khổ cường lực				
	5 ly, trắng, ≤ 3050	QCVN 16:2014/BXD	m ²	187.600	Giao toàn tỉnh
	8 ly, trắng, ≤ 3050	"	m ²	296.500	"
	10 ly, trắng, ≤ 3050	"	m ²	369.100	"
	12 ly, trắng, ≤ 3050	"	m ²	459.800	"
	Kính dán				
	Kính nổi 1 lớp 5 mm trắng, 1 lớp 5 mm trắng, keo PVB 0.38 mm (1000x3000x10.38)	QCVN 16:2014/BXD	m ²	417.500	Giao toàn tỉnh
	Kính nổi 1 lớp 5 mm trắng, 1 lớp 5 mm phản quang, keo PVB trong 0.38 mm (1000x3000x10.38)	"	m ²	750.200	"
3	GẠCH, ĐÁ ỐP LÁT				
3.1	GẠCH GỖM ỐP LÁT ÉP BÁN KHÔ, ĐÙN DẸO				
	* Gạch Thạch Bàn				
	- Đơn vị sản xuất: Công ty TNHH Thạch Bàn				
	Đ/c: <i>Thôn Thượng, xã An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.</i>				
	- Đơn vị phân phối: Chi nhánh 1 Công ty TNHH TM DV XD Đại Phúc				
	Đ/c: <i>Số 1035C, CMT8, KP. Hiệp Bình, P. Hiệp Ninh, Tp. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;</i>				
	- Thông tin về sản phẩm:	QCVN 16:2014/BXD			
	Gạch ốp tường màu nhạt (mã TLB, TLP) Gạch ốp tường màu đậm (mã TDB, TDP) CERA ART BỀ MẶT BÓNG, 300 x 600 mm	"	m ²	188.000	Giao toàn tỉnh
	Gạch ốp tường màu nhạt (mã MLP) Gạch ốp tường màu đậm (mã MDP) CERA ART BỀ MẶT MATT, 300 x 600mm	"	m ²	198.000	"
	Gạch lát sàn nhà vệ sinh (mã MSP) CERA ART MEN KHÔ, CHÔNG TRON, 300 x 300 mm	"	m ²	188.000	"
	Granite bề mặt MATT, mặt phẳng (mã MPF) GẠCH GRANITE KỸ THUẬT SỐ BỀ MẶT MATT, 600 x 600 mm	"	m ²	235.000	"
	Granite bề mặt MATT, mặt phẳng (mã MPF) GẠCH GRANITE KỸ THUẬT SỐ BỀ MẶT MATT, 800 x 800 mm	"	m ²	295.000	"
	Gạch granite siêu bóng, pha lê (mã BCN); 600 x 600 mm	"	m ²	235.000	"
	Gạch granite siêu bóng (mã BDN); 600 x 600 mm	"	m ²	334.000	"

Stt	TÊN VẬT LIỆU/ QUY CÁCH	CHẤT LƯỢNG CÔNG BỐ	ĐVT	GIÁ (VNĐ)	GHI CHÚ
3.2	ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN				
4	CÁT XÂY DỰNG				
4.1	CÁT TỰ NHIÊN DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA				
	* Huyện Dương Minh Châu				
	- Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty TNHH Hiệp Thuận Tây Ninh				
	Đ/c: Số 2085, ấp B2, xã Phước Minh, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh				
	Đ/c khai thác: Mỏ cát xây dựng tại Rạch Bà Hào, Đoạn 1 và Đoạn 2 và tại Đoạn 1, sông Sài Gòn cũ thuộc				
	- Thông tin về sản phẩm:				
	Cát xây dựng - cát vàng	QCVN 16:2014/BXD	m ³	160.000	Giao tại bãi khu vực mỏ khai thác
	Cát xây dựng - cát trắng	"	m ³	145.000	"
	Cát san lấp		m ³	110.000	"
	- Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty TNHH TM DV Phú Quân				
	Đ/c: Tổ 12, ấp Phước Bình 1, xã Suối Đá, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam				
	Đ/c khai thác: Mỏ cát xây dựng tại khu vực Rạch Bà Hào – Sanh Đồi thuộc Hồ Dầu Tiếng, xã Suối Đá, Huyện				
	- Thông tin về sản phẩm:				
	Cát vàng - hạt thô	QCVN 16:2014/BXD	m ³	140.000	Giao tại bãi khu vực mỏ khai thác
	Cát san lấp		m ³	110.000	"
	* Huyện Tân Châu				
	- Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Doanh nghiệp tư nhân Hải Hà				
	Đ/c: Số 333, ấp 3, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh				
	Đ/c khai thác: Mỏ cát xây dựng tại đoạn suối Tha La dài 3,5 km, từ cách đập Suối Dây 2 km về phía thượng				
	- Thông tin về sản phẩm:				
	Cát vàng - hạt thô	QCVN 16:2014/BXD	m ³	130.000	Giao tại bãi khu vực mỏ khai thác
	Cát trắng - hạt thô	QCVN 16:2014/BXD	m ³	121.000	"
	Cát san lấp (màu vàng đen)		m ³	83.600	"
	- Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty TNHH MTV Cát Giang				
	Đ/c: Tổ 7, ấp 4, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh				
	Đ/c khai thác: Mỏ cát xây dựng tại đoạn suối Tha La, dài 1,5 km; từ cách đập Suối Dây 500 m về phía thượng				
	- Thông tin về sản phẩm:				
	Cát vàng - hạt thô	QCVN 16:2014/BXD	m ³	140.000	Giao tại bãi khu vực mỏ khai thác
	Cát trắng - hạt thô	QCVN 16:2014/BXD	m ³	120.000	"
	Cát san lấp (cát dơ)		m ³	90.000	"
	* Huyện Trảng Bàng				
	- Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Doanh nghiệp tư nhân cát đá sỏi Minh Hưng				
	Đ/c: Ấp Bùng Bình, xã Hưng Thuận, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh				
	Đ/c khai thác: Mỏ cát xây dựng tại đoạn sông Sài Gòn từ km 19 đến km 29 thuộc địa phận xã Đôn Thuận,				
	- Thông tin về sản phẩm:				
	Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa, cát hạt mịn	QCVN 16:2014/BXD	m ³	110.000	Giao tại bãi khu vực mỏ khai thác
4.2	CÁT NGHIỀN CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA				
5	VẬT LIỆU XÂY				
5.1	GẠCH RỒNG ĐẤT SÉT NUNG				
	* Huyện Dương Minh Châu				
	- Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty TNHH Khương Vinh				

Stt	TÊN VẬT LIỆU/ QUY CÁCH	CHẤT LƯỢNG CÔNG BỐ	ĐVT	GIÁ (VNĐ)	GHI CHÚ
Đ/c: Tổ 9, ấp Thuận Hòa, xã Truong Mít, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh					
- Thông tin về sản phẩm:					
Gạch rỗng đất sét nung					
	Gạch rỗng 4 lỗ (8x8x18)cm - Gạch ống	QCVN 16:2014/BXD	Viên	740	Giao tại nhà máy
	Gạch rỗng 2 lỗ (4x8x18)cm - Gạch thẻ	"	Viên	740	"
* Huyện Châu Thành					
- Đơn vị sản xuất, kinh doanh: CN1 - Công ty TNHH Long Thái Hòa					
Đ/c: Ấp Suối Dộp, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh					
- Thông tin về sản phẩm:					
Gạch rỗng đất sét nung					
	Gạch rỗng 4 lỗ (8x8x18)cm - Gạch ống	QCVN 16:2014/BXD	Viên	750	Giao tại nhà máy
	Gạch rỗng 2 lỗ (4x8x18)cm - Gạch thẻ	"	Viên	750	"
* Huyện Trảng Bàng					
- Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty TNHH Đăng Khoa					
Đ/c: Tổ 12, ấp Bùng Bình, xã Hưng Thuận, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Di động: 0909 953 474					
- Thông tin về sản phẩm:					
	Gạch rỗng 4 lỗ (8x8x18)cm - Gạch ống	QCVN 16:2014/BXD	Viên	770	Giao tại các công trình ở huyện Trảng Bàng
	Gạch rỗng 2 lỗ (4x8x18)cm - Gạch thẻ	"	Viên	770	"
* Huyện Gò Dầu					
- Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Hộ kinh doanh Nhà máy gạch Phước Thạnh					
Đ/c: Số thửa đất 458, tờ bản đồ số 16, Tổ 1, ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh, huyện Gò Dầu					
- Thông tin về sản phẩm:					
Gạch rỗng đất sét nung					
	Gạch rỗng 4 lỗ (8x8x18)cm - Gạch ống	QCVN 16:2014/BXD	Viên	720	Giao tại nhà máy
	Gạch rỗng 2 lỗ (4x8x18)cm - Gạch thẻ	QCVN 16:2014/BXD	Viên	720	"
* Huyện Tân Biên					
- Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Cơ sở gạch Trung Hữu					
Đ/c: Ấp Tân Thạnh, xã Tân Bình, huyện Tân Biên					
- Thông tin về sản phẩm:					
Gạch rỗng đất sét nung					
	Gạch rỗng 4 lỗ (8x8x18)cm - Gạch ống	QCVN 16:2014/BXD	Viên	700	Giao tại huyện Tân Biên
	Gạch rỗng 2 lỗ (4x8x18)cm - Gạch thẻ	QCVN 16:2014/BXD	Viên	700	"
- Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Cơ sở Tài Lộc					
Đ/c: Khu phố 3, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên					
- Thông tin về sản phẩm:					
Gạch rỗng đất sét nung					
	Gạch rỗng 4 lỗ (8x8x18)cm - Gạch ống	QCVN 16:2014/BXD	Viên	700	Giao tại nhà máy
	Gạch rỗng 2 lỗ (4x8x18)cm - Gạch thẻ	"	Viên	700	"
	Gạch nửa bốn lỗ		Viên	350	"
5.2	GẠCH BÊ TÔNG (XI MĂNG CỐT LIỆU)				
* Huyện Trảng Bàng					
- Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty TNHH Đăng Khoa					

Stt	TÊN VẬT LIỆU/ QUY CÁCH	CHẤT LƯỢNG CÔNG BỐ	ĐVT	GIÁ (VNĐ)	GHI CHÚ
Đ/c: Tổ 12, ấp Bình Bình, xã Hưng Thuận, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Di động: 0909 953 474					
- Thông tin về sản phẩm:					
	Gạch bê tông 4 lỗ (8x8x18)cm, mác M7,5	QCVN 16:2014/BXD	Viên	1.450	Giao tại các công trình ở huyện Trảng Bàng
5.3	GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP				
5.4	GẠCH BÊ TÔNG KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP				
* Gạch GREEN BLOCK					
- Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty Cổ phần Sản xuất GKN Phúc An Khang					
Đ/c: Tổ 3, ấp Long Chuẩn, xã Long Vĩnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; ĐT: 0903 080 776					
- Thông tin về sản phẩm:					
Gạch BTB 800 – 5,0 TCVN 9029:2011					
	Kích thước (50x10x7,5)cm	QCVN 16:2014/BXD	m ³	1.300.000	Giao tại Tp.TN
	Kích thước (50x10x10)cm	"	m ³	1.300.000	"
	Kích thước (50x10x15)cm	"	m ³	1.250.000	"
	Kích thước (50x10x20)cm	"	m ³	1.250.000	"
6	VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁC				
6.1	TẤM THẠCH CAO				
* Vĩnh Tường					
- Đơn vị sản xuất, phân phối: Công ty Cổ phần Công nghiệp Vĩnh Tường					
Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp.HCM; ĐT: 028. 37818554					
- Thông tin về sản phẩm:					
	Khung trần nổi trung cấp TOPLINE - VT - TOPLINE 3600/3600 Plus 24x38x3600/3660		Thanh	46.507	
	Khung trần nổi trung cấp TOPLINE - VT - TOPLINE 1200/1220 Plus 24x28x1200/1220		Thanh	13.245	
	Khung trần nổi trung cấp TOPLINE - VT - TOPLINE 600/610 Plus 24x28x600/610		Thanh	6.784	
	Khung viền tường trần nổi - VT18/22 18x22x3600		Thanh	20.854	
	Khung viền tường trần nổi - VT15/20 15x20x3600		Thanh	30.272	
	Khung trần chìm trung cấp ALPHA-VTC-ALPHA4000 14.5X35.4000		Thanh	31.284	
	Khung viền tường tấm chìm VTC18/22-0.4 18X22X3600		Thanh	14.893	
	Khung vách ngăn VT E-Wall C51 33-35x51x3000		Thanh	37.661	
	Khung vách ngăn VT E-Wall U52 32x52x2700		Thanh	32.132	
	Thanh phụ VT V-Shaft J152 152X50-25X2700		Thanh	133.053	
	Tấm thạch cao vuông cạnh Gyproc dày 9 mm 1210x2415x9		Tấm	107.355	

Stt	TÊN VẬT LIỆU/ QUY CÁCH	CHẤT LƯỢNG CÔNG BỐ	ĐVT	GIÁ (VNĐ)	GHI CHÚ
	Tấm thạch cao vuông cạnh Gyproc dày 9 mm nhỏ, 603x1210x9		Tấm	24.850	
	Băng giấy Vĩnh Tường 75 m / cuộn		cuộn	48.370	
	Băng keo lưới Vĩnh Tường 90 m / cuộn		cuộn	33.110	
6.2	SON TƯỜNG DẠNG NHŨ TƯƠNG				
	* Sơn NIPPON PAINT				
	- Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam)				
	Đ/c: Số 14, đường 3A, KCN Biên Hòa II, tỉnh Đồng Nai				
	- Đơn vị phân phối: Cửa hàng Phú Sĩ 1				
	Đ/c: Số 45, Đường Nguyễn Văn Linh, Kp4, thị trấn Hòa Thành, huyện Hòa Thành, Tây Ninh; ĐT: 0276 383				
	- Thông tin sản phẩm:				
	Bột trét				
	Bột trét nội thất Nippon; 40 kg/ bao		bao	250.000	Giao tại cửa hàng
	Sơn nội thất	QCVN 16:2014/BXD			
	VATEX; 17 lít/ thùng		Thùng	590.000	"
	Sơn ngoại thất	QCVN 16:2014/BXD			
	TILAC METAL PRIMER RED OXIDE (CHỐNG RỈ) 20 lít/ thùng	"	Thùng	1.300.000	"
	Sơn lót	QCVN 16:2014/BXD			
	ODOURLESS WALL SEALER NỘI THẤT 18 lít/ thùng	"	Thùng	1.690.000	"
	WEATHERGARD WALL SEALER NGOẠI THẤT 18 lít/ thùng	"	Thùng	2.300.000	"
	* Sơn NERO				
	- Đơn vị sản xuất, kinh doanh, phân phối: Công ty TNHH Sơn NERO				
	Đ/c: Lô MC2, KCN Đức Hòa 1 Hạnh Phúc, ấp 5, Đức Hòa Đông, Đức Hòa, Long An				
	- Thông tin sản phẩm:				
	Sơn lót	QCVN 16:2014/BXD			Giao tại Tp.TN và huyện Gò Dầu
	Sơn lót chống kiềm cao cấp Nero Special Thùng 18 lít	"	kg	53.283	"
	Sơn phủ	QCVN 16:2014/BXD			
	Sơn phủ Nero N8 nội thất Thùng 25,5 kg	"	kg	26.902	"
	Sơn phủ Nero Super White nội thất Thùng 17 lít	"	kg	41.218	"
	Bột trét tường				
	Bột trét tường Nero N8 40 kg/ bao	"	Kg	6.425	"
6.3	ỐNG NHỰA DÙNG ĐỂ CẤP NƯỚC				
	* Ống Hoa Sen				
	- Đơn vị sản xuất, phân phối: Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen				

Stt	TÊN VẬT LIỆU/ QUY CÁCH	CHẤT LƯỢNG CÔNG BỐ	ĐVT	GIÁ (VNĐ)	GHI CHÚ
Đ/c: Số 9, ĐL Thống Nhất, KCN Sóng Thần, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0650 3790955					
- Thông tin sản phẩm:					
	* Ống nhựa Polyvinyl Clorua cứng (u-PVC)	QCVN 16-4:2011/BXD			
	Φ21x1.6mm	15.0 bar	m	6.700	Giao toàn tỉnh
	Φ27x1.6mm	12.0 bar	m	8.600	"
	Φ34x1.8mm	11.0 bar	m	12.300	"
	Φ60x2.0mm	6.0 bar	m	24.100	"
	Φ90x1.7mm	3.0 bar	m	30.800	"
	Φ140x3.5mm	5.0 bar	m	101.200	"
	Phụ kiện				
	Co 21		Cái	2.200	"
	Co 27		Cái	3.600	"
	Co 34		Cái	5.000	"
	Co 60		Cái	19.000	"
	Co 90		Cái	47.400	"
	Co 140		Cái	144.200	"
	Tê 21		Cái	2.500	"
	Tê 27		Cái	3.400	"
	Tê 60		Cái	48.000	"
	Tê 90		Cái	4.800	"
	Tê cong 60		Cái	43.200	"
	Tê ren ngoài 21		Cái	3.650	"
	Tê ren ngoài 27		Cái	6.000	"
	Tê ren ngoài 34		Cái	9.000	"
	Chữ Y 60		Cái	42.800	"
	Chữ Y 90		Cái	101.700	"
	Chữ Y giảm 90/60		Cái	78.500	"
	Chữ Y giảm 114/60		Cái	131.900	"
	Chữ Y giảm 114/90		Cái	155.300	"
	Nối 21		Cái	1.700	"
	Nối 27		Cái	2.300	"
	Nối 34		Cái	3.900	"
	Nối 60		Cái	12.700	"
	Nối 90		Cái	26.100	"
	Nắp bít 21		Cái	1.300	"
	Nắp bít 27		Cái	1.500	"
	Nắp bít 34		Cái	2.700	"
	Nắp bít 60		Cái	9.100	"
	Nắp bít 90		Cái	21.400	"
	Nối ren ngoài 21/27		Cái	1.500	"
	Keo dán 1kg		Kg	100.500	"
B	CÁC SẢN PHẨM VLXD CÒN LẠI				
1	ĐÁ XÂY DỰNG				
- Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản FICO Tây Ninh					
Đ/c: Tổ 46, ấp Lộc Trung, xã Lộc Ninh, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam					
Đ/c khai thác: Mỏ đá xây dựng tại ấp Lộc Trung, xã Lộc Ninh, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh					
- Thông tin về sản phẩm:					
	Cốt liệu lớn cho bê tông - Đá dăm;	QCVN	m ³	310.000	Giao tại bãi khu
	Kiểu loại: 05 - 20; kích thước: 10 x 20 mm	16:2014/BXD			vực mỏ khai thác

Stt	TÊN VẬT LIỆU/ QUY CÁCH	CHẤT LƯỢNG CÔNG BỐ	ĐVT	GIÁ (VNĐ)	GHI CHÚ
	Cốt liệu lớn cho bê tông - Đá dăm; Kiểu loại: 20 - 70; kích thước: 40 x 60 mm	"	m ³	280.000	"
2	THÉP CÁC LOẠI				
2.1	THÉP HÌNH				
	* Thép Nhà Bè				
	- Đơn vị sản xuất: Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè				
	Đ/c: 25, Nguyễn Văn Quỳ, phường Phú Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.				
	- Đơn vị phân phối: Công ty TNHH SX XD TM & DV Huỳnh Anh				
	Đ/c: 640-642, đường 30/4, phường Hiệp Ninh, tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; ĐT: 0276.3632222				
	- Thông tin về sản phẩm:	TCVN 7571-1:2006; TCVN 1765-75; JIS G 3101:2010			
	V25; 5,00 kg/cây	"	cây	73.500	Giao toàn tỉnh
	V30; 5,00 kg/cây	"	cây	72.000	"
	V40; 8,00 kg/cây	"	cây	109.500	"
	V50 ; 12,00 kg/cây	"	cây	167.000	"
	V63 ; 23,00 kg/cây	"	cây	326.500	"
	V70 ; 31,00 kg/cây	"	cây	474.500	"
	V75 ; 37,00 kg/cây	"	cây	566.000	"
	V80 ; 43,00 kg/cây	"	cây	671.000	"
	I100 ; 42,00 kg/cây	"	cây	702.500	"
	I120; 52,00 kg/cây	"	cây	877.800	"
	I150; 80,00 kg/cây	"	cây	1.345.800	"
	U80 ; 23,00 kg/cây	"	cây	353.600	"
	U100 ; 32,00 kg/cây	"	cây	509.600	"
	U120 ; 42,00 kg/cây	"	cây	668.700	"
	U140 ; 54,00 kg/cây	"	cây	859.000	"
	U160 ; 73,00 kg/cây	"	cây	1.177.300	"
2.2	THÉP TRÒN				
	* Thép Việt Mỹ				
	- Đơn vị sản xuất: Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Mỹ				
	Đ/c: Đường số 2, KCN Hòa Khánh, Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Đà Nẵng				
	- Đơn vị phân phối: Công ty TNHH SX TM Đặc Nhân				
	Đ/c: 30/4, Khu phố 4, thị trấn Hòa Thành, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh				
	- Thông tin về sản phẩm:	QCVN 7:2011/BKNCN			
	Thép cuộn (VAS)				
	Ø6	TCVN 1651-1:2008	kg	16.170	Giao toàn tỉnh
	Ø8	TCVN 1651-1:2008	kg	16.115	"
	Thép thanh vằn (VAS)				
	Ø10 (SD 295A)	TCVN 1651-2:2008	kg	16.060	Giao toàn tỉnh
	Ø12 - Ø20 (CB 300V/ SD 295A)	TCVN 1651-2:2008	kg	15.895	"
	Ø10 (CB 400V)	TCVN 1651-2:2008	kg	15.620	"
	Ø12 - Ø32 (CB 400V)	TCVN 1651-2:2008	kg	15.400	"
	Ø10 (CB 500V)	TCVN 1651-2:2008	kg	15.730	"
	Ø12 - Ø32 (CB 500V)	TCVN 1651-2:2008	kg	15.510	"
	* Thép Vinakyoei				
	- Đơn vị sản xuất: Công ty TNHH Thép Vinakyoei				
	Đ/c: KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu				
	- Đơn vị phân phối: Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duyệt				

Stt	TÊN VẬT LIỆU/ QUY CÁCH	CHẤT LƯỢNG CÔNG BỐ	ĐVT	GIÁ (VNĐ)	GHI CHÚ
Đ/c: 250 Lý Thường Kiệt, khu phố 4, thị trấn Hòa Thành, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; ĐT: 02763.841.114					
	- Thông tin về sản phẩm:	QCVN 7:2011/BKNCN			Giao toàn tỉnh
	Ø6 mm	6.0 mm	kg	16.230	"
	Ø8 mm	8.0 mm	kg	16.230	"
	Gân Ø 10mm	11,7 m TCVN 1651-2:2008	cây	110.800	"
	Gân Ø 12mm	11,7 m TCVN 1651-2:2008	cây	157.300	"
	Gân Ø 14mm	11,7 m TCVN 1651-2:2008	cây	213.900	"
	Gân Ø 16mm	11,7 m TCVN 1651-2:2008	cây	279.600	"
	Gân Ø 18mm	11,7 m TCVN 1651-2:2008	cây	353.900	"
	Gân Ø 20mm	11,7 m TCVN 1651-2:2008	cây	436.800	"
	Gân Ø 22mm	11,7 m TCVN 1651-2:2008	cây	528.300	"
	Gân Ø 25mm	11,7 m TCVN 1651-2:2008	cây	687.900	"
	Tron Ø 14mm	12 m TCVN 1651-2:2008	cây	235.400	"
	Tron Ø 16mm	12 m TCVN 1651-2:2008	cây	304.900	"
	Tron Ø 18mm	12 m TCVN 1651-2:2008	cây	385.700	"
	Tron Ø 20mm	12 m TCVN 1651-2:2008	cây	482.900	"
	Tron Ø 22mm	12 m TCVN 1651-2:2008	cây	583.700	"
- Đơn vị phân phối: Công ty TNHH SX XD TM & DV Huỳnh Anh					
Đ/c: 640-642, đường 30/4, phường Hiệp Ninh, tpTây Ninh, tỉnh Tây Ninh; ĐT: 0276.3632222					
	- Thông tin về sản phẩm:				
	Ø6mm	QCVN 7:2011/BKNCN	kg	15.800	Giao toàn tỉnh
	Ø8mm	"	kg	15.800	"
	Gân Ø 10mm; 6,93 kg/cây	"	cây	107.300	"
	Gân Ø 12mm; 9,98 kg/cây	"	cây	152.200	"
	Gân Ø 14mm; 13,60 kg/cây	"	cây	207.000	"
	Gân Ø 16mm; 17,76 kg/cây	"	cây	270.400	"
	Gân Ø 18mm; 22,47 kg/cây	"	cây	342.400	"
	Gân Ø 20mm; 27,75 kg/cây	"	cây	422.600	"
	Gân Ø 22mm; 33,54 kg/cây	"	cây	511.100	"
	Gân Ø 25mm; 43,70 kg/cây	"	cây	665.400	"
	* Thép Pomina				
- Đơn vị sản xuất: Công ty TNHH TM Thép Pomina					
Đ/c: 289, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.					
Nhà máy: Số 1, đường số 27, KCN Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.					
- Đơn vị phân phối: Công ty TNHH SX XD TM & DV Huỳnh Anh					
Đ/c: 640-642, đường 30/4, phường Hiệp Ninh, tpTây Ninh, tỉnh Tây Ninh; ĐT: 0276.3632222					

Stt	TÊN VẬT LIỆU/ QUY CÁCH	CHẤT LƯỢNG CÔNG BỐ	ĐVT	GIÁ (VNĐ)	GHI CHÚ
	- Thông tin sản phẩm:				
	Ø6mm	QCVN 7:2011/BKNCN	kg	15.400	Giao toàn tỉnh
	Ø8mm	"	kg	15.400	"
	Gân Ø 10mm; 6,93 kg/cây	"	cây	109.200	"
	Gân Ø 12mm; 9,98 kg/cây	"	cây	155.600	"
	Gân Ø 14mm; 13,60 kg/cây	"	cây	212.100	"
	Gân Ø 16mm; 17,76 kg/cây	"	cây	276.900	"
	Gân Ø 18mm; 22,47 kg/cây	"	cây	350.400	"
	Gân Ø 20mm; 27,75 kg/cây	"	cây	432.700	"
	Gân Ø 22mm; 33,54 kg/cây	"	cây	523.000	"
	Gân Ø 25mm; 43,70 kg/cây	"	cây	681.400	"
3	VẬT LIỆU SAN LẤP				
3.1	ĐẤT SAN LẤP				
	Đất phún (đất sỏi đỏ)		m ³	135.300	Giao tại bãi khu vực mỏ khai thác
	Đất san lấp		m ³	72.600	"
	Đất làm gạch		m ³	79.200	"
	*Riêng tại huyện Trảng Bàng				
	Đất phún (đất sỏi đỏ)		m ³	176.000	Giao tại bãi khu vực mỏ khai thác
	Đất san lấp		m ³	94.600	"
3.2	VẬT LIỆU KHÁC DÙNG ĐỂ SAN LẤP				
4	GẠCH TERRAZZO				
	* Gạch terrazzo Tín Phúc				
	- Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty TNHH Tín Phúc				
	Đ/c nhà máy: Số 37 ấp Long Thời, xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành; ĐT: (0276) 3940489				
	- Thông tin về sản phẩm:				
	Gạch Terrazzo, kích thước 400x400x30 mm				
	Màu xám, màu đỏ	QCVN 16:2014/BXD	m ²	95.000	Giao tại Tp.TN và huyện Hòa Thành
	Màu vàng, màu xanh lá	QCVN 16:2014/BXD	m ²	100.000	"
5	GẠCH TỰ CHÈN, GẠCH CON SÂU				
	* Gạch Tây Phố				
	- Đơn vị sản xuất, phân phối: Công ty TNHH Tây Phố				
	Đ/c: Số 2A, đường 29A4, đường Nguyễn Văn Linh, ấp Trường Phước, xã Trường Tây, huyện Hòa Thành, tỉnh				
	- Thông tin về sản phẩm:				
	Gạch tự chén (39 viên / m ²)		m ²	150.000	Giao tại Tp Tây Ninh
	Gạch con sâu (39 viên / m ²)		m ²	150.000	"
6	SỬ VỆ SINH				
	* Sử vệ sinh THIÊN THANH				
	- Đơn vị kinh doanh: Chi nhánh Tây Ninh - Công ty TNHH MTV TM Đồng Tâm				
	Đ/c: Đường 22A, ấp Trâm Vàng II, xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; ĐT: (0276) 3514765				
	- Thông tin về sản phẩm:				
	Cầu 2 khối (nắp thường, phụ kiện gạt)		bộ	1.076.900	Giao toàn tỉnh
	Cầu 2 khối (nắp rơi êm) + chậu tròn treo 04		bộ	1.691.800	"
	Cầu 1 khối (nắp rơi êm, phụ kiện 2 nhân, Nano)		bộ	2.750.000	"
	Chân chậu (chân lavapo)		cái	264.000	"
	Bồn tiểu nam		cái	209.000	"
7	VẬT LIỆU CHỐNG THẨM				

Stt	TÊN VẬT LIỆU/ QUY CÁCH	CHẤT LƯỢNG CÔNG BỐ	ĐVT	GIÁ (VNĐ)	GHI CHÚ
	- Đơn vị sản xuất, phân phối: Công ty TNHH Vinkems Đ/c: Lô 49B, KCN Linh Trung 3, ấp Suối Sầu, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh				
	- Thông tin về sản phẩm:				
	Vinkems Concure S (hợp chất bảo dưỡng bê tông gốc Silicate)	ASTM C156-2011	lít	19.800	Giao toàn tỉnh
	- Đơn vị sản xuất, kinh doanh, phân phối: Công ty TNHH Sơn NERO Đ/c: Lô MC2, KCN Đức Hòa 1 Hạnh Phúc, ấp 5, Đức Hòa Đông, Đức Hòa, Long An				
	- Thông tin sản phẩm:				
	Vật liệu chống thấm Nero 11A 20 kg/ bao	"	kg	102.650	Giao tại Tp.TN và huyện Gò Dầu
8	SON EPOXY * Sơn NERO - Đơn vị sản xuất, kinh doanh, phân phối: Công ty TNHH Sơn NERO Đ/c: Lô MC2, KCN Đức Hòa 1 Hạnh Phúc, ấp 5, Đức Hòa Đông, Đức Hòa, Long An				
	- Thông tin sản phẩm:				
	Sơn dầu Nero chống rỉ chu Thùng 18 lít	"	kg	54.499	Giao tại Tp.TN và huyện Gò Dầu
9	GỖ, VÁN GỖ - Đơn vị sản xuất, phân phối: Công ty TNHH Đăng Nhân Phúc Đ/c: K45/7C, ấp Hiệp Hòa, xã Hiệp Tân, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh				
	- Thông tin về sản phẩm:				
	Gỗ tạp tròn		m ³	3.300.000	Giao tại cửa hàng
	Ván gỗ tạp (150-200-250)x(1500-2000)x25 mm		m ³	3.520.000	"
	Ván gỗ MDF (200, 250, 300, 350, 400)x4000x20 mm		m ³	6.270.000	"
	Ván gỗ MDF thông dụng (200, 250, 300, 350, 400)x4000x20 mm		m ³	5.830.000	"
10	NHỰA ĐƯỜNG, VẬT LIỆU TRONG XÂY DỰNG ĐƯỜNG Ô TÔ - Đơn vị phân phối: Công ty TNHH TM SX DV Tín Thịnh Đ/c: 102H, Nguyễn Xuân Khoát, Tân Thành, Tân Phú, Tp.HCM; ĐT: 028. 62678195 Nhà máy: Đường số 3, Lô 2, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, tỉnh Đồng Nai.				
	- Thông tin sản phẩm:				
	Nhựa đường đóng phuy Shell 60/70 Singapore	TCVN 7493:2005	tấn	13.000.000	Giao tại Tp.TN
	- Đơn vị phân phối: Công ty Cổ phần Thành Giao Đ/c: S34-1 Sky Garden, phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; ĐT: 084.28.5410.1971 Fax: 084.28.5410.1792.				
	- Thông tin sản phẩm:				
	Carboncor Asphalt (25kg/ bao)	TCCS 09:2014/TCĐBVN	tấn	4.070.000	Giao tại Tp.TN
11	BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM * Bê tông nhựa nóng - Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty Cổ phần Hải Đăng Đ/c: Số 9, đường QH6, đường Đặng Ngọc Chinh, Khu phố 5, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; ĐT: 0276. 3815182 + Trạm 1: KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh + Trạm 2: QL22B, ấp Trường Huệ, xã Trường Tây, huyện Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh + Trạm bê tông nhựa nóng: Đường 786, ấp Thanh Trung, xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh				
	- Thông tin sản phẩm:				
	Bê tông nhựa nóng				
	Bê tông nhựa nóng C9.5	TCVN 8819-11	tấn	1.500.000	Giao tại trạm

Stt	TÊN VẬT LIỆU/ QUY CÁCH	CHẤT LƯỢNG CÔNG BỐ	ĐVT	GIÁ (VNĐ)	GHI CHÚ
	Bê tông nhựa nóng C12.5	TCVN 8819-11	tấn	1.470.000	"
	Bê tông nhựa nóng C19	TCVN 8819-11	tấn	1.440.000	"
12	TÁM LỘP CÁC LOẠI				
12.1	NGÓI				
	* Ngói bê tông LAMA ROMAN	TCVN 1453:1986			
	- Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty TNHH Công nghiệp LAMA Việt Nam				
	Đ/c: Lô B8, KCN Đất Cuốc, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;				
	- Thông tin sản phẩm:				
	Ngói chính; khối lượng 4,3 kg	420x330 mm	viên	12.500	Giao toàn tỉnh
	Ngói nóc; khối lượng 3,3 - 3,5 kg	333x220 mm	viên	25.000	"
	Ngói rìa; khối lượng 3,5 - 4,0 kg	426x185 mm	viên	25.000	"
	Ngói cuối rìa; khối lượng 2,48-3,0 kg	340x160 mm	viên	30.000	"
	Ngói ghép 2; khối lượng 3,9-4,2 kg	332x270 mm	viên	30.000	"
	Ngói cuối nóc; khối lượng 4,0-4,3 kg	345x220 mm	viên	35.000	"
	Ngói cuối mái; khối lượng 3,26-4,0 kg	330x210 mm	viên	35.000	"
	Ngói chạc 3; khối lượng 3,7 4,3 kg	345x254 mm	viên	42.000	"
	Ngói chạc 4; khối lượng 5,0 - 5,5 kg	355x260 mm	viên	42.000	"
	Ngói chữ T; khối lượng 4,6-5,1 kg	329x260 mm	viên	42.000	"
	Ngói nóc có ống; khối lượng 4,9 kg	330x220 mm	viên	320.000	"
	Ngói lợp thông hơi; khối lượng 6,0 kg	420x330 mm	viên	320.000	"
	Ngói lợp sáng; khối lượng 0,7 kg	420x330 mm	viên	255.000	"
12.2	TÔN				
	- Đơn vị sản xuất: Công ty Cổ phần Tôn Đông Á				
	Đ/c: Số 5, đường số 5, KCN Sóng Thần 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0650 3732575				
	- Đơn vị sản xuất: Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Tôn Tân Phước Khanh				
	Đ/c: KCN Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu				
	- Đơn vị phân phối: Công ty TNHH Ngọc Thắm				
	Đ/c: 50/8, KP4, thị trấn Hòa Thành, huyện Hòa Thành; ĐT: 0276 3843082, Fax: 0276 3840382				
	- Thông tin sản phẩm:				
	* Tôn lợp/Tôn la-phong				
	Tôn mạ màu 3D5	Phẳng 1.2 mét cán sóng 1.07 mét (2K9 - 3K0 / mét)	m	66.000	Giao tại kho Công ty ở huyện Hòa Thành
	Tole mạ màu 4D0	Phẳng 1.2 mét cán sóng 1.07 mét (3K4 - 3K5 / mét)	m	76.000	"
	Tole mạ màu 4D5	Phẳng 1.2 mét cán sóng 1.07 mét (3K9 - 4K0 / mét)	m	80.000	"
	Tôn la-phong màu xanh ngọc	Phẳng 1.2 mét cán sóng 1.07 mét (2K3 - 2K4 / mét)	m	60.000	"
13	VẬT LIỆU ĐIỆN TRONG VÀ NGOÀI NHÀ				
13.1	THIẾT BỊ ĐIỆN HIỆU MỸ PHONG				
	Quạt trần (chưa tính hộp số)	Mỹ Phong	cái	780.000	Giao toàn tỉnh
	Hộp số Quạt trần	Mỹ Phong	cái	85.000	"
	Quạt trần đảo chiều SR - 16	Mỹ Phong	cái	570.000	"
	Quạt hút âm tường - MP 1511	Mỹ Phong	bộ	310.000	"
	Quạt hút âm tường - MP 2511	Mỹ Phong	bộ	365.000	"
13.2	THIẾT BỊ ĐIỆN HIỆU RẠNG ĐÔNG				
	- Đơn vị sản xuất, phân phối: Công ty CP Bóng đèn phích nước Rạng Đông				

Stt	TÊN VẬT LIỆU/ QUY CÁCH	CHẤT LƯỢNG CÔNG BỐ	ĐVT	GIÁ (VNĐ)	GHI CHÚ
	Đ/c: 177-179, KDC Bình Phú, Phường 10, Q.6, Tp.HCM;				
	- Thông tin sản phẩm:	TCVN 5175:2006/ IEC 61195:1999			
	Đèn huỳnh quang				
	Đèn huỳnh quang T8 - 18W GaLaxy (S) - Daylight		cái	12.100	Giao toàn tỉnh
	Băng @In FL T8 18W H15 DELUXE E DL		cái	18.700	"
	Bộ đèn ốp trần (đã bao gồm bóng)				
	Bộ đèn ốp trần 15w (CL 04 15 3UT3)		cái	138.600	"
	Bộ đèn ốp trần 22w (D LN04 22W)		cái	270.600	"
	Máng HQ âm trần M6 (chưa bao gồm bóng)				
	Máng HQ âm trần FS - 40/36x2-M6 Balát đ/từ		cái	655.600	"
	Máng HQ âm trần FS - 20/18x3-M6 Balát đ/từ		cái	761.200	"
	Máng HQ âm trần FS - 20/18x4-M6 Balát đ/từ		cái	841.500	"
	Máng HQ M8 (chưa bao gồm bóng)				
	Máng đèn HQ FS-40/36x1-M8 - Balát điện tử		cái	151.800	"
	Máng đèn HQ FS-40/36x2-M8 - Balát điện tử		cái	226.600	"
	Máng HQ siêu mỏng M9 (chưa bao gồm bóng)				
	Máng đèn siêu mỏng FS-40/36x1 - M9 Balát điện tử		cái	141.900	"
	Máng đèn siêu mỏng FS-40/36x2 - M9 Balát điện tử		cái	175.450	"
	Máng đèn siêu mỏng FS-20/18x1 - M9 Balát điện tử		cái	112.200	"
	Bộ đèn HQ chống thấm chống bụi				
	Bộ đèn HQ chống ẩm D LNCA /1x36W		cái	506.000	"
	Bộ đèn HQ chống ẩm D LNCA /2x36W		cái	671.000	"
	Bộ đèn HQ chống ẩm D LNCA /2x18W		cái	514.000	"
	Đèn LED				
	Bóng đèn tube LED 01T8 60/12w E		cái	330.000	"
	Bóng đèn tube LED 01 T8 60/10w (SS)		cái	114.000	"
	Đèn thoát hiểm LED EXIT 40.20S (1 mặt)		cái	385.000	"
	Đèn LED chiếu sáng khẩn cấp D KC01/2W		cái	434.000	"
	Bóng đèn LED (LED A55N4 5w) S		cái	46.000	"
	Bóng đèn LED BULB (LED A80N1/15W) SS		cái	103.000	"
	Đèn LED DOWLIGHT D AT 03L 110/5W SS		cái	110.000	"
	Đèn LED PANEL D P01 15 x 120/28W E		cái	2.147.200	"
	Đèn LED PANEL D P01 60 x 120/75W E		cái	3.061.300	"
	Đèn LED PANEL D P01 30 x 120/50W E		cái	2.279.200	"
	Đèn LED PANEL D P01 60 x 60/50W E		cái	2.279.200	"
	Đèn LED PANEL D P01 30 x 60/28W E		cái	2.029.500	"
	Đèn LED PANEL D P01 30x30/14W E		cái	1.316.700	"
	Đèn LED PANEL D P01 30 x 120/36W S		cái	1.617.000	"
	Đèn LED PANEL D P01 60 x 60/36W S		cái	1.617.000	"
	Đèn LED Panel tròn D PT03 110/6W S		cái	127.000	"
	Đèn LED Panel tròn D PT03 135/9W S		cái	168.000	"
	Đèn LED Panel tròn D PT02 160/12W S		cái	183.000	"
	Đèn LED Panel D PN03 120x120/8w S		cái	170.000	"
	Đèn LED Panel D PN03 160x160/12w S		cái	264.000	"
	Đèn LED chiếu pha DCP03L/10W SS		cái	327.800	"
	Đèn LED chiếu pha DCP03L/20W SS		cái	492.800	"
	Đèn LED chiếu pha DCP03L/30W SS		cái	558.800	"
	Đèn LED chiếu pha DCP03L/50W SS		cái	1.068.100	"
	Đèn LED chiếu pha DCP03L/70W SS		cái	1.909.600	"

Stt	TÊN VẬT LIỆU/ QUY CÁCH	CHẤT LƯỢNG CÔNG BỐ	ĐVT	GIÁ (VNĐ)	GHI CHÚ
	Đèn LED chiếu pha DCP03L/100W SS		cái	2.109.800	"
	Đèn LED chiếu pha DCP03L/150W SS		cái	3.146.000	"
	Đèn LED chiếu sáng đường D CSD 02L/30W		cái	858.000	"
	Đèn LED chiếu sáng đường D CSD 02L/40W		cái	2.970.000	"
	Đèn LED chiếu sáng đường D CSD 02L/60W		cái	2.112.000	"
	Đèn LED chiếu sáng đường D CSD02L/70W		cái	2.552.000	"
	Đèn LED chiếu sáng đường D CSD02L/120W		cái	3.850.000	"
	Đèn LED chiếu sáng đường D CSD02L/150W		cái	5.720.000	"
	Đèn LED High Bay LED HB01L 410/30W		cái	1.204.500	"
	Đèn LED High Bay LED HB01L 500/50W		cái	1.411.300	"
	Đèn LED High Bay LED HB01L 410/70W		cái	1.478.400	"
	Đèn LED High Bay LED HB01L 500/100W		cái	2.637.800	"
	Đèn LED High Bay LED HB01L 500/120W		cái	3.022.800	"
	Đèn LED High Bay LED HB01L 500/150W		cái	3.407.800	"
	Đèn LED High Bay LED HB02L 500/100W		cái	2.368.300	"
	Đèn LED High Bay LED HB02L 500/120W		cái	2.714.800	"
	Đèn LED High Bay LED HB02L 500/150W		cái	2.887.500	"
	Đèn LED ốp trần chống bụi D LN CB01L/9W S		cái	550.000	"
	Đèn LED ốp trần chống bụi D LN CB02L/12W S		cái	693.000	"
	Đèn LED ốp trần D LN03L 320/18W S		cái	311.000	"
	Đèn LED ốp trần D LN05 220/14W S		cái	222.000	"
	Đèn LED ốp trần D LN 03L/ 7W S		cái	174.000	"
	Đèn LED ốp trần D LN 08L 30x30/24W S		cái	435.600	"
	Đèn LED chiếu gương D GT01L 8W		cái	242.000	"
	Bộ đèn chiếu sáng lớp học				
	Bộ đèn LED TUBE CSLH/18Wx 1 trắng LED SS		cái	473.000	"
	Bộ đèn LED TUBE CSLH/18Wx 2 trắng LED SS		cái	715.000	"
	Bộ đèn LED TUBE CSBA/18Wx 1 trắng LED SS		cái	473.000	"
13.3	DÂY ĐIỆN TA TUN ĐỆ NHẤT				
	- Đơn vị sản xuất, phân phối: Công ty TNHH Dây Cáp điện Ta Tun Đệ Nhất				
	Đ/c: 75-77, Calmette, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM; ĐT: 028. 6291. 8991				
	- Thông tin sản phẩm:				
	Dây điện lực ruột đồng, bọc PVC	TCVN 6610-3:2000			
	CV 1.5 (7/0.52)	450/750V	m	3.410	Giao toàn tỉnh
	CV 2.5 (7/0.67)	450/750V	m	5.720	"
	CV 4 (7/0.85)	450/750V	m	8.470	"
	CV 6 (7/1.04)	450/750V	m	12.210	"
	Dây điện lực ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC	TCVN 6610-4:2000			Giao toàn tỉnh
	CVV - 2x 0.75 (2x1/1.0)	0.6/1kV	m	7.040	"
	CVV - 2x 1.5 (2x7/0.52)	0.6/1kV	m	10.780	"
	CVV - 2x 2.5 (2x7/0.67)	0.6/1kV	m	15.620	"
	CVV - 2x 5.5 (2x7/1.0)	0.6/1kV	m	33.440	"
	Dây điện lực ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC	TCVN 5935			Giao toàn tỉnh
	CXV - 2.5 (1x7/0.67)	0.6/1kV	m	7.040	"
	CXV - 3.5 (1x7/0.8)	0.6/1kV	m	9.570	"
	CXV - 5.5 (1x7/1.0)	0.6/1kV	m	15.510	"
	CXV - 8 (1x7/1.2)	0.6/1kV	m	18.810	"
13.4	DÂY ĐIỆN CADIVI				
	- Đơn vị sản xuất, phân phối: Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam				

Stt	TÊN VẬT LIỆU/ QUY CÁCH	CHẤT LƯỢNG CÔNG BỐ	ĐVT	GIÁ (VNĐ)	GHI CHÚ
	Đ/c: 70-72, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp.HCM; ĐT: 028 38 299 443 - 028 38 299 437				
	- Thông tin sản phẩm:				
	Dây đồng đơn cứng bọc PVC – 300/500V	QCVN 4:2009/BKHCN TCVN 6610-3:2000			Giao toàn tỉnh
	VC-0,50 (F 0,80)- 300/500V	"	m	1.667	"
	VC-1,00 (F1,13)- 300/500V	"	m	2.772	"
	Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6/1 kV (ruột đồng)				
	VCmd-2x1-(2x32/0.2)-0,6/1 kV	TCCS 10C:2014/ CADIVI	m	5.678	"
	VCmd-2x1,5-(2x30/0.25)-0,6/1 kV	"	m	8.102	"
	VCmd-2x2,5-(2x50/0.25)-0,6/1 kV	"	m	13.197	"
	Dây điện mềm bọc nhựa PVC – 300/500V (ruột đồng)		m		
	VCmo-2x1-(2x32/0.2)-300/500V	QCVN 4:2009/BKHCN TCVN 6610-5:2007	m	6.598	"
	VCmo-2x1.5-(2x30/0.25)-300/500V	TCCS 10B:2014/ CADIVI	m	9.299	"
	VCmo-2x6-(2x7x12/0.30)-300/500V	"	m	33.861	"
	Cáp điện lực hạ thế - 450/750V (ruột đồng)	QCVN 4:2009/BKHCN TCVN 6610-3:2000			
	CV-1.5 (7/0.52) - 450/750V	"	m	4.256	"
	CV-2.5 (7/0.67) - 450/750V	"	m	6.936	"
	CV-10 (7/1.35) - 450/750V	"	m	25.575	"
	CV-50 - 750V	"	m	115.394	"
	CV-240 - 750V	"	m	580.143	"
	CV-300 - 750V	"	m	727.660	"
	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	TCVN 5935:1995			
	CVV-1 (1x7/0.425) – 0,6/1 kV	"	m	4.767	"
	CVV-1.5 (1x7/0.52) – 0,6/1 kV	"	m	6.148	"
	CVV-6.0 (1x7/1.04) – 0,6/1 kV	"	m	18.097	"
	CVV-25 – 0,6/1 kV	"	m	65.063	"
	CVV-50 – 0,6/1 kV	"	m	120.509	"
	CVV-95 – 0,6/1 kV	"	m	235.392	"
	CVV-150 – 0,6/1 kV	"	m	364.188	"
	Cáp điện lực hạ thế – 300/500V (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	QCVN 4:2009/BKHCN TCVN 6610-4:2000			
	CVV-2x1.5 (2x7/0.52)– 300/500V	"	m	13.657	"
	CVV-2x4 (2x7/0.85)– 300/500V	"	m	29.053	"
	CVV-2x10 (2x7/1.35)– 300/500V	"	m	64.654	"
	Cáp điện lực hạ thế – 300/500V (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	"			
	CVV-3x1.5 (3x7/0.52) – 300/500V	"	m	18.035	"
	CVV-3x2.5 (3x7/0.67) – 300/500V	"	m	26.700	"
	CVV-3x6 (3x7/1.04) – 300/500V	"	m	55.754	"

Stt	TÊN VẬT LIỆU/ QUY CÁCH	CHẤT LƯỢNG CÔNG BỐ	ĐVT	GIÁ (VNĐ)	GHI CHÚ
	Cáp điện lực hạ thế – 300/500V (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	"			
	CVV-4x1.5 (4x7/0.52) – 300/500V	"	m	22.915	"
	CVV-4x2.5 (4x7/0.67) – 300/500V	"	m	33.964	"
	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	TCVN 5935:1995			
	CVV-2x16 – 0,6/1 kV	"	m	100.254	"
	CVV-2x25 – 0,6/1 kV	"	m	145.368	"
	CVV-2x185 – 0,6/1 kV	"	m	761.112	"
	CVV-2x150 – 0,6/1 kV	"	m	947.400	"
	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	TCVN 5935:1995			
	CVV-3x16 – 0,6/1 kV	TCVN 5935:1995	m	138.821	"
	CVV-3x50 – 0,6/1 kV	"	m	373.907	"
	CVV-3x95 – 0,6/1 kV	"	m	726.739	"
	CVV-3x120 – 0,6/1 kV	"	m	940.853	"
	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) - DMVT 2015	TCVN 5935:1995			
	CVV-4x16 – 0,6/1 kV	"	m	178.207	"
	CVV-4x25 – 0,6/1 kV	"	m	269.561	"
	CVV-4x50 – 0,6/1 kV	"	m	492.677	"
	CVV-4x120 – 0,6/1 kV	"	m	1.246.526	"
	CVV-4x185 – 0,6/1 kV	"	m	1.852.551	"
	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	TCVN 5935:1995			
	CVV-3x16+1x10 -0,6/1 Kv	"	m	167.465	"
	CVV-3x25+1x16 -0,6/1 kV	"	m	246.645	"
	CVV-3x50+1x25 -0,6/1 kV	"	m	438.458	"
	CVV-3x95+1x50 -0,6/1 kV	"	m	845.816	"
	CVV-3x120+1x70 -0,6/1 kV	"	m	1.115.582	"
	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1 kV (1 lõi, ruột đồng, vỏ PVC)	TCVN 5935:1995			
	CVV/DATA-25-0,6/1 kV	"	m	89.206	"
	CVV/DATA-50-0,6/1 kV	"	m	149.460	"
	CVV/DATA-95-0,6/1 kV	"	m	267.515	"
	CVV/DATA-240-0,6/1 kV	"	m	640.193	"
	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1 kV (2 lõi, ruột đồng, vỏ PVC)	TCVN 5935:1995			
	CVV/DSTA-2x4 (2x7/0.85) -0,6/1 kV	"	m	45.933	"
	CVV/DSTA-2x10 (2x7/1.35) -0,6/1 kV	"	m	80.408	"
	CVV/DSTA-2x50 -0,6/1 kV	"	m	279.279	"
	CVV/DSTA-2x150-0,6/1 kV	"	m	823.720	"
	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1 kV (3 lõi, ruột đồng, vỏ PVC)	TCVN 5935:1995			
	CVV/DSTA-3x4 (3x7/0.85) -0,6/1 kV	"	m	75.497	"
	CVV/DSTA-3x16 -0,6/1 kV	"	m	155.189	"
	CVV/DSTA-3x50 -0,6/1 kV	"	m	397.947	"
	CVV/DSTA-3x185 -0,6/1 kV	"	m	1.475.166	"
	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1 kV (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện PVC, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC)	TCVN 5935:1995			

Stt	TÊN VẬT LIỆU/ QUY CÁCH	CHẤT LƯỢNG CÔNG BỐ	ĐVT	GIÁ (VNĐ)	GHI CHÚ
	CVV/DSTA -3x4+1x2.5 -0,6/1 kV	"	m	66.802	"
	CVV/DSTA -3x16+1x10 -0,6/1 kV	"	m	186.698	"
	CVV/DSTA -3x50+1x25 -0,6/1 kV	"	m	468.227	"
	CVV/DSTA -3x240+1x120 -0,6/1 kV	"	m	2.314.742	"
	Dây đồng trần xoắn (TCVN)	TCVN 5064:1994			
	Dây đồng trần xoắn, tiết diện > 4 đến ≤ 10mm ²	"	Kg	264.446	"
	Dây đồng trần xoắn, tiết diện > 10 đến ≤ 50mm ²	"	Kg	267.003	"
	Cáp điện kế - 0,6/1 kV (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	TCVN 5935:1995			
	DK-CVV-2x4 (2x7/0.85) -0,6/1 kV	TCVN 5935:1995	m	38.976	"
	DK-CVV-2x10 (2x7/1.35) -0,6/1 kV	"	m	78.464	"
	DK-CVV-2x35 -0,6/1 kV	"	m	211.147	"
	Cáp điều khiển - 0,6/1 kV (2÷37 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	TCVN 5935:1995			
	DVV-2x1.5 (2x7/0.52) -0,6/1 kV	"	m	14.435	"
	DVV-10x2.5 (10x7/0.67) -0,6/1 kV	"	m	78.055	"
	DVV-19x4 (19x7/0.85) -0,6/1 kV	"	m	223.423	"
	DVV-37x2.5 (37x7/0.67) -0,6/1 kV	"	m	274.471	"
	Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1 kV (2÷37 lõi, ruột đồng)	TCVN 5935:1995			
	DVV/Sc-3x1.5 (3x7/0.52) -0,6/1 kV	"	m	27.314	"
	DVV/Sc-8x2.5 (8x7/0.67) -0,6/1 kV	"	m	76.520	"
	DVV/Sc-30x2.5 (30x7/0.67) -0,6/1 kV	"	m	242.246	"
	Cáp trung thế treo-12/20(24) kV hoặc 12.7/22(24) kV (ruột đồng, có chống thấm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE)	TCVN 5935:1995			
	CX1/WBC-95-12/20(24) kV	"	m	300.864	"
	CX1/WBC-240-12/20(24) kV	"	m	707.916	"
	Cáp trung thế có màn chắn kim loại, có giáp bảo vệ - 12/20(24) kV hoặc 12.7/22(24) kV (3 lõi, ruột đồng, có chống thấm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại cho từng lõi, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC)	TCVN 5935:1995			
	CXV/SE-DSTA-3x50-12/20(24) kV	"	m	751.598	"
	CXV/SE-DSTA-3x400-12/20(24) kV	"	m	3.815.892	"
	Dây điện lực ruột nhôm, bọc cách điện PVC	TCVN 5935:1995			
	AV-16-0,6/1 kV	"	m	6.619	"
	AV-35-0,6/1 kV	"	m	12.143	"
	AV-120-0,6/1 kV	"	m	37.851	"
	AV-500-0,6/1 kV	"	m	150.586	"
	Dây nhôm lõi thép các loại	TCVN 5064:1994/ TCVN 6483:1999			
	Dây nhôm lõi thép các loại ≤ 50 mm ²	"	Kg	78.566	"
	Dây nhôm lõi thép các loại > 50 đến ≤ 95 mm ²	"	Kg	77.134	"
	Dây nhôm lõi thép các loại > 240 mm ²	"	Kg	80.101	"
	Cáp vện xoắn hạ thế -0,6/1 kV (2 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE)	TCVN 6447:1998			
	LV-ABC-2x50-0,6/1 kV	"	m	40.409	"
	Cầu dao	TCVN 6480:2008			
	Cầu dao 2 pha: CD 20A-2P	"	Cái	33.861	"

Stt	TÊN VẬT LIỆU/ QUY CÁCH	CHẤT LƯỢNG CÔNG BỐ	ĐVT	GIÁ (VNĐ)	GHI CHÚ
	Cầu dao 2 pha đảo: CDD 20A-2P	"	Cái	43.273	"
	Cầu dao 3 pha: CD 30A-3P	"	Cái	69.359	"
	Cầu dao 3 pha đảo: CDD 20A-3P	"	Cái	67.211	"
	Ống luồn dây điện				
	Ống luồn tròn F16 dài 2,9 m	"	Ống	19.028	"
	Ống luồn cứng F16-1250N-CA16H	"	Ống	24.245	"
	Ống luồn đàn hồi CAF-16	"	Ống	187.721	"
	Ống luồn đàn hồi CAF-20	"	Ống	212.886	"
	Cáp điện lực hạ thế chống cháy 0,6/1 kV (1 lõi, ruột đồng, cách điện FR-PVC)	TCVN 5935:2013			
	CV/FR-1x25 -0,6/1 kV	"	m	69.871	"
	CV/FR-1x240 -0,6/1 kV	"	m	607.253	"
14	BỒN NƯỚC				
	* BỒN NƯỚC INOX ĐẠI THÀNH				
	Đ/c: Số 416 - 418 - 420 Lý Thường Kiệt, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, ĐT: 028 88212077				
	Nguồn website: http://bonnuocinoxdaithanh.com.vn				
	Bồn nước Inox 1200L ngang	Đại Thành	cái	3.750.000	Giao toàn tỉnh
	Bồn nước Inox 1200L đứng	Đại Thành	cái	3.590.000	"
15	MÁY LỌC NƯỚC, LÀM MÁT KHÔNG KHÍ				
	- Đơn vị kinh doanh: Nhà phân phối An Tâm Tiến				
	Đ/c: Số 10, hẻm 17A, Cách mạng tháng 8, KP1, P1, Tp.TN; ĐT: 0985 657 857				
	- Thông tin về sản phẩm:				
	Bộ RO - 09 (CAB)		Bộ	4.499.000	Giao toàn tỉnh
	FUJIE AC - 40C		Bộ	6.050.000	"
	FUJIE AC - 50		Bộ	8.470.000	"
	FUJIE AC - 60		Bộ	10.450.000	"
	CELLO OSSUM +		Bộ	8.690.000	"
	CELLO DURACOOOL +		Bộ	6.050.000	"